

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2024

V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và bà Nguyễn Thị Tuyết

Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng

Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1983; địa chỉ: **Số A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Xuân T; sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: **Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Hiện đang trú tại: 203 ho, 5, **D-ro, Dongbu-myeon, G-si, G1-do, Hàn Quốc**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thân nhân của anh Phạm Xuân T: Bà Phan Thị T1, sinh năm 1939 (mẹ đẻ anh T); địa chỉ: **Tổ dân phố P, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/11/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân T lấy nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố anh T tại thôn

V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì vợ chồng bàn bạc để anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, hai vợ chồng có liên lạc qua điện thoại nhưng sau đó thường xuyên cãi vã nhau; từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Phạm Xuân T**.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung gồm: **Phạm Thùy T2**, sinh ngày 13/10/2004; **Phạm Long V**, sinh ngày 01/01/2007 và **Phạm Long V1**, sinh ngày 17/07/2011. Nay cháu **Phạm Thủy T3** đã đủ 18 tuổi, cháu **Phạm Long V** đang ở với bà nội (bà **Phan Thị T1**), cháu **Phạm Long V1** đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con **Phạm Long V1**, giao con **Phạm Long V** cho anh **T** nuôi dưỡng và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng chị có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **H** trình bày do điều kiện ở xa và công việc của chị không thể sắp xếp để về nhiều lần tham gia giải quyết vụ án nên chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị. Đối với bị đơn anh **Phạm Xuân T**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho gia đình anh **T**. Bà **Phan Thị T1** là mẹ đẻ của anh **T** đã cam đoan địa chỉ mà chị **H** cung cấp về nơi cư trú hiện tại của anh **T** ở Hàn Quốc là đúng thực tế và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan này. Bà cam kết sẽ thông báo cho anh **T** biết về thời gian mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa.

Ngày 25/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có công văn số 2835/CV-TA về việc yêu cầu phòng Q – Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh **Phạm Xuân T**. Ngày 05/8/2024, phòng Q – Công an tỉnh Q có Công văn số 2213/CV-QLXNC cung cấp thông tin anh **Phạm Xuân T** đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/4/2016 qua sân bay quốc tế Đ, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Ngày 21/12/2023, anh **T** có gửi từ Hàn Quốc qua đương bưu chính cho bà **Phạm Thị T4** (mẹ đẻ anh **T**) gồm: bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt về Tòa án, tuy nhiên không có xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Mẹ anh **T** là bà **Phan Thị T1** có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết **Phạm Xuân T** tại bản tự khai và trong các giấy tờ của anh **T** có chứng thực về chữ ký của Ủy ban nhân dân xã X.

Theo yêu cầu của mẹ bị đơn, ngày 29/12/2023 Tòa án có Công văn số 5898/2023/QĐ-TCGD Trưng cầu Phòng K Công an tỉnh Q tiến hành giám định chữ ký của anh **T** tại bản tự khai và trong các giấy tờ của anh **T** có chứng thực về chữ ký của Ủy ban nhân dân xã X. Ngày 09/01/2024, Phòng K Công an tỉnh Q có Kết luận giám định số 59/KL-KTHS, xác định chữ ký, chữ viết **Phạm Xuân T** ở bản tự khai,

đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và trong các giấy tờ của anh T có chứng thực về chữ ký của Ủy ban nhân dân xã X là do cùng một người ký ra.

Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/12/2023, bị đơn anh Phạm Xuân T trình bày:

Anh đã được gia đình thông báo về việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, tuy nhiên do điều kiện anh đang làm việc ở nước ngoài nên không thể về để tham gia giải quyết, xét xử vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H lấy nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh tại thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì vợ chồng bàn bạc để anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, hai vợ chồng có liên lạc qua điện thoại nhưng sau đó mỗi lần điện thoại về thì vợ chồng cãi vã nhau; từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ở xa, không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung gồm: Phạm Thùy T2, sinh ngày 13/10/2004; Phạm Long V, sinh ngày 01/01/2007 và Phạm Long V1, sinh ngày 17/07/2011. Nay cháu Phạm Thùy T3 đã đủ 18 tuổi, cháu Phạm Long V đang ở với bà nội, cháu Phạm Long V1 đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con Phạm Long V, giao con Phạm Long V1 cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Xuân T. Về con chung đề nghị xử giao cháu Phạm Long V, sinh ngày 01/01/2007 cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Long V1, sinh ngày 17/07/2011 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Phạm Thùy T2, sinh ngày 13/10/2004 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có công văn yêu cầu [phòng Q – Công an tỉnh Q](#) cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh [Phạm Xuân T](#). Ngày 05/8/2024, [phòng Q – Công an tỉnh Q](#) có Công văn số 2213/CV - QLXNC cung cấp thông tin anh [Phạm Xuân T](#) đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/4/2016 qua [sân bay quốc tế Đ](#), hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà [Phan Thị T1](#) là mẹ đẻ của bị đơn anh [Phạm Xuân T](#). Bà [T1](#) đã thông báo cho anh [T](#) biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị [H](#) và anh [T](#). Do đó, ngày 21/12/2023 anh [T](#) đã gửi bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt về qua đường bưu chính. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Phạm Xuân T](#).

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của chị [H](#), Hội đồng xét xử xét thấy chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Phạm Xuân T](#) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã [H](#), huyện [Q](#), tỉnh [Quảng Bình](#). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ của anh [T](#) tại thôn [V](#), xã [X](#), huyện [Q](#), tỉnh [Quảng Bình](#) được một thời gian thì hai vợ chồng bàn bạc để anh [T](#) đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, hai vợ chồng có liên lạc qua điện thoại nhưng sau đó mỗi lần điện thoại về thì vợ chồng cãi vã nhau; từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ở xa, không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau. Chị [H](#) khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh [T](#), anh [T](#) cũng đồng ý ly hôn chị [H](#). Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn anh [Phạm Xuân T](#).

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị [H](#), anh [T](#) có ba con chung là: [Phạm Thùy T2](#), sinh ngày 13/10/2004; [Phạm Long V](#), sinh ngày 01/01/2007 và [Phạm Long](#)

V1, sinh ngày 17/07/2011. Cháu **Phạm Thùy T2**, sinh ngày 13/10/2004 hiện nay đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con **Phạm Long V1**, giao con **Phạm Long V** cho anh **T** nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh **T** đồng ý với nguyện vọng của chị **H** về việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại anh **T** đang lao động và sinh sống ở nước ngoài, trong thời gian đó cháu **Phạm Long V** ở với bà nội (bà **Phan Thị T1**) được bà nội thay anh **T** chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu **Phạm Long V1** ở với chị **H**. Mặt khác, tại bản tự khai cháu **Phạm Long V** có nguyện vọng được ở cùng với bố, cháu **Phạm Long V1** có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu **Phạm Long V** cho anh **T** chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu **Phạm Long V1** cho chị **H** chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị **H**, anh **T** không yêu cầu mỗi bên phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của chị **H**, anh **T**. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tạm thời giao cháu **Phạm Long V** cho bà nội (bà **Phan Thị T1**) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh **T** ở nước ngoài, sau này khi anh **T** về nước giao cháu **V** cho anh **T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung*: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Phạm Xuân T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, chi phí giám định*:

Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Anh **Phạm Xuân T** phải chịu 2.130.000 đồng (anh **Phạm Xuân T** do bà **Phan Thị T1** nộp đủ tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 161, Điều 162; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Phạm Xuân T**.

2. *Về quan hệ con chung*:

Cháu **Phạm Thùy T2**, sinh ngày 13/10/2004 hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét.

Xử giao cháu **Phạm Long V**, sinh ngày 01/01/2007 cho anh **Phạm Xuân T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **Phạm Long V1**, sinh ngày 17/07/2011 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **H**, anh **T** về việc không ai phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Tạm thời giao cháu **Phạm Long V** cho bà nội (bà **Phan Thị T1**) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh **T** ở nước ngoài, sau này khi anh **T** về nước giao cháu **V** cho anh **T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Phạm Xuân T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí, chi phí giám định:* Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005647 ngày 21/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Về chi phí giám định: Anh **Phạm Xuân T** phải chịu 2.130.000 đồng (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án xử sơ thẩm công khai, chị **Nguyễn Thị H** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh **Phạm Xuân T** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Ninh, H Quảng Ninh;
- Lưu Toà DS, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn